

KINH BÁT KHÔNG QUYỀN SÁCH THẦN BIÊN CHÂN NGÔN
QUYỀN THỨ NHẤT

Hán dịch: Đại Đường_ Thiên Trúc Tam Tạng BỒ ĐỀ LƯU CHÍ (Bodhi-ruci: Giác Ái, hay Dharma-ruci: Pháp Ái)

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

MÃU ĐÀ LA NI CHÂN NGÔN
TỰA
PHẨM THỨ NHẤT

Như vậy tôi nghe: Một thời Đức **Bạc Già Phạm** (Bhagavam: Thế Tôn) trụ trong cung điện lớn của **Quán Thế Âm Bồ Tát** Ma Ha Tát (Avalokitesvara) tại núi **Bồ Đà Lạc** (Potala). Cái điện ấy thuần dùng vô lượng vật báu lớn thượng diệu trân kỳ xen kẽ lẫn nhau để trang sức, mọi báu đan chéo nhau thông suốt, phát ra lửa sáng lớn. Nơi nơi treo bày hình nửa vành trăng, hình trăng tròn đầy, chuông lắc tay báu, chuông bằng vàng, viên ngọc báu, chuỗi Anh Lạc... khi gió nhẹ thổi qua thì lay động đều diễn **âm thanh thuyết Pháp** (Dharma-svara: Pháp Âm). Lọng báu, phướng, phan, hoa lạ hiếm có, nhiều loại phát trần, lưới châu báu, vòng hoa, mọi loại bày đầy khắp dùng để trang nghiêm. Nhiều quanh cái điện, phần lớn có lầu báu, gác báu xen lẫn với màn trướng báu. Các cây hoa báu, mỗi mỗi xếp bày thành hàng là: hoa cây Sa La báu, hoa cây Đa La báu, hoa cây Đa Ma La báu, hoa cây Chiêm Bạc Ca báu, hoa cây A Thủ Ca báu, hoa cây A Đề Mục Đa Ca báu với vô lượng ức ngàn vạn loại các cây hương báu khác, tỏa hơi thơm phức... vây quanh trang nghiêm

Lại có vô lượng cái ao, suối, đầm báu chứa đầy nước tám Công Đức. Nơi nơi đều có hương, hoa, cỏ mịn... mọi bông hoa soi chiếu lẫn nhau rất đáng yêu thích

Ngọn núi ấy, phần lớn có mọi loại tất cả **chim, thú** khác loài với hình mạo xinh đẹp, đều có đủ **Tâm Từ** (Maitra-citta) phát ra mọi âm thanh màu nhiệm, cùng nhau kêu hót vui chơi

Tất cả Bồ Tát, Chân Ngôn Minh Tiên, Tam Thập Tam Thiên cùng chung vui thích nơi Đức Như Lai đã cư ngụ, cùng với chúng Đại Bất Sở gồm tám ngàn người đến dự, đều là bậc **A La Hán** (Arhat) trụ ở Đại Trí, hiểu rõ cùng tận, dạo chơi ở Thế Gian, danh tiếng cao xa, có Đại Thần Thông tự tại vô ngại... đỉnh lễ bàn chân của Đức Phật, nhiều quanh Đức Phật theo bên phải ba vòng, rồi ngồi tại tòa của mình

Lại cùng với 99 ức câu chi na dữu đa trăm ngàn Đại Bồ Tát đến dự, đều dùng **Phạm Hạnh** (Brahma-caryā) trong trắng, thông đạt vô lượng vô biên Môn **Đà La Ni Chân Ngôn Tam Ma Địa**, cũng đầy đủ tất cả Trí màu nhiệm thâm sâu. Các Bồ Tát này đều có đủ vô lượng Công Đức thù thắng, giả sử ở ức kiếp khen ngợi cũng chẳng thể hết được, lễ hai bàn chân của Đức Phật, nhiều quanh Đức Phật theo bên phải ba vòng, rồi ngồi tại tòa của mình

Lại có vô lượng trăm ngàn **Tịnh Cư Thiên Vương** (Śuddhāvāsa), **Y Thủ La Thiên Vương** (Ísvāra), **Ma Hê Thủ La Thiên Vương** (Maheśvara) **Đại Phạm Thiên Vương** (Mahā-brahma), **Đế Thích Thiên Vương** (Indra) tiếp nối gìn giữ Phật Pháp khiến chẳng đoạn tuyệt, đều phát **Hoằng Nguyện** ưu thích sâu xa **Đại Thừa** (Mahā-yāna) đều cầm phướng báu, phan, lọng, ngọc báu, chuỗi Anh Lạc, hoa Trời kỳ diệu...

đều đến chỗ của Đức Phật, lễ hai bàn chân của Đức Phật, nhiễu quanh theo bên phải ba vòng, làm Cúng Dường lớn, ca tán một lúc rồi ngồi tại tòa của mình

Lại có vô lượng **Ma Ha Đại Trì Chân Ngôn Minh Tiên** (Mahā-vidya-dhāra-ṛṣi), **Khổ Hạnh Tiên Chúng** (Duṣkara-caryā-ṛṣi-gaṇa), **Diêm Ma Vương** (Yama-rāja), **Thủy Thiên** (Varuṇa), **Phong Thiên** (Vāyu), **Hỏa Thiên** (Agni), **Nhật Thiên** (Āditya), **Nguyệt Thiên** (Candra), **Tinh Thiên**, **Nhị Thập Bát Tú Chủ Tinh Thần Thiên**, **Trì Chân Ngôn Minh Nữ Thiên** (Vidya-dhāra-devī) kèm với **Thiên Chúng** (Deva-gaṇa) khác... đều dùng Tâm sâu xa thề phát Hoằng Nguyện, đều cùng nhau cung kính hộ trì Đại Thừa, đều đến chỗ của Đức Phật, lễ hai bàn chân của Đức Phật, nhiễu quanh theo bên phải ba vòng, mắt quán nhìn Đức Như Lai, vui vẻ rồi lặng lẽ ngồi tại tòa của mình

Lại có vô lượng các **Đại Long Thần** (Mahā-nāga-devatā), **Dược Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (rākṣasa), **Càn Thát Bàn** (Gandharva), **A Tố Lạc** (Asura), **Nghiệt Lỗ Trà** (Garuḍa), **Khẩn Na La** (Kimnara), **Ma Hô La Già** (Mahoraga) phát **Hoằng Thệ Nguyện** ca tán Đại Thừa, đều cùng nhau thủ hộ Môn **Vô Thượng Đà La Ni Chân Ngôn**, đều đến chỗ của Đức Phật, lễ hai bàn chân của Đức Phật, nhiễu quanh theo bên phải ba vòng, chiêm ngưỡng Đức Như Lai, mắt chẳng nhìn nơi khác rồi ngồi tại tòa của mình

Bấy giờ, Tôn Giả Bạc Già Phạm chính thức vì Tịnh Cư Thiên, Y Thủ La Thiên. Ma Hê Thủ La Thiên, Đại Phạm Thiên, Đế Thích Thiên với các Thiên Chúng... ngồi ở tòa Liên Hoa Sư Tử báu rồi nói Đại Pháp, vượt hơn mọi ánh sáng của mặt trời chiếu sáng tất cả

Khi ấy, **Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát** (Avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahā-satvāya) vui vẻ, mỉm cười, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, chấp tay cung kính, lễ hai bàn chân của Đức Phật, chỉnh sửa quần áo, quỳ thẳng lưng, cái chéo bàn tay, hướng về phía trước bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con có **Đà La Ni** tên là **Bất Không Quyên Sách Tâm Vương Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia**. Pháp này, ở thời quá khứ cách nay 91 kiếp, trong kiếp cuối cùng ấy có Đức Phật hiệu là **Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai** Ứng Chính Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiệu Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Bạc Già Phạm (**Lokesvara-rāja-tathāgata**). Đức Phật Thế Tôn ấy thương xót con, nên trao cho tất cả Pháp Môn của **Đà La Ni Chân Ngôn** này. Thế Giới của Đức Phật ấy tên là **Thắng Quán Sát Tuệ**

Thế Tôn! Từ đó đến nay con thường thọ trì tất cả Giáo Pháp của **Đà La Ni Chân Ngôn** này, chỉ đường cảm hóa (đạo hóa) vô lượng trăm ngàn Tịnh Cư Thiên Vương, Y Thủ La Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên Vương, Đại Phạm Thiên Vương, Đế Thích Thiên Vương, tất cả Thiên Vương với các quyên thuộc, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi...đều khiến trụ ở **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksambuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác), đều dùng **Trí** là lưới nghi (Ly Nghi Vọng Trí) mà trang nghiêm.

Thế Tôn! Khi con bắt đầu được Pháp **Đà La Ni** đó thời chúng được mười trăm ngàn **Bất Không Vô Hoặc Trí Trang Nghiêm Thủ Tam Ma Địa Môn** đều hiện trước mặt.

Thế Tôn! Nên biết do sức của Chân Ngôn này, hiện thấy hết thấy Hội Chúng của chư Phật Như Lai ở vô lượng vô số chúng chúng cõi nước khắp mười phương, rồi đều cúng dường, lắng nghe Pháp sâu xa, triển chuyển giáo hóa vô lượng hữu tình đều được phát hướng đến **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi). Thế nên, Hành Giả nên thọ trì hết.

Thế Tôn! Nếu Kinh Điển này đã trụ ở phương xứ nào thì nên biết đất ấy liền có vô lượng trăm ngàn Tịnh Cư Thiên Vương, Y Thủ La Thiên Vương, Ma Hề Thủ La Thiên Vương, Đại Phạm Thiên Vương, Đế Thích Thiên Vương với 12 vạn trăm ngàn Thiên Vương kèm các quyến thuộc thường cùng nhau vây quanh cung kính ủng hộ

Thế Tôn! Nếu Kinh Điển này trụ ở phương xứ nào, có người hay y theo Pháp, thanh tịnh viết chép, đọc tụng, thọ trì, khen ngợi thì nên biết đất ấy tức là **Chế Đa** (Caitye: tháp miếu) **Xá Lợi** (Śārīra) của tất cả chư Phật.

Thế Tôn! Nếu có hữu tình tạm hay đọc tụng, lắng nghe, lưu hành **Bất Không Quyển Sách Tâm Vương Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia** này thì nên biết người đó tức đang gần gũi, cung kính, cúng dường vô lượng câu chi na dữu đa trăm ngàn chỗ của Phật, gieo trồng các căn lành. Tại sao thế? Vì Pháp này là nhóm ánh sáng báu lớn của tất cả chư Phật.

Thế Tôn! Nếu có hữu tình gây tạo nghiệp cực ác, chê bai tất cả chư Phật, Bồ Tát, Độc Giác, Thanh Văn với chê bai Chính Pháp, nói không có **tốt lành** (Kusāla: thiện). Hoặc lại phá diệt hình tượng, tháp miếu, Kinh Luận, Giáo Pháp của chư Phật, Bồ Tát, Độc Giác, Thanh Văn thì kẻ đó đáng bị rơi vào Địa Ngục **A Tỳ** (Avīci) trải qua vô số kiếp, chịu khổ không gián đoạn. Chư Phật, Bồ Tát, Độc Giác, Thanh Văn tuy có đủ Thần Thông cũng chẳng thể cứu được.

Thế Tôn! Như hữu tình này, hay sinh Tâm hối hận, tắm gội sạch sẽ, dùng hương xoa bôi thân, mặc áo sạch mới, như Pháp ở trước mặt Phật chí thành Sám Hối tội nặng đã tạo làm trong quá khứ, đời hiện tại, cuối cùng chẳng dám phạm, thọ trì **Trai Giới**, thanh tịnh Tâm ấy, 7 ngày 7 đêm giữ **Giới** chặt đứt Ngũ Luận, ở trước mặt **Bất Không Quyển Sách Quán Thế Âm Bồ Tát** (Amogha-pāśa-avalokiteśvara-bodhisatva), mỗi ngày tụng Đà La Ni Chân Ngôn này 108 biến thì nên biết các tội: mười ác, năm nghịch, bốn nặng mà người ấy đã tạo làm trong đời trước, đời này đều diệt hết không có dư sót, chẳng rơi vào Địa Ngục, chỉ trừ **năm nghịch** thì đời này chịu nhẹ hơn.

Làm sao chứng biết? Ấy là: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày bị bệnh sốt rét, bệnh sốt nóng hoặc bị đau: mắt, tai, mũi, lưỡi, nướu lợi (chân răng), răng nanh, răng, đầu, lưng, hai vai, tim, dạ dày, hông sườn, eo, bắp đùi, hai cánh tay, hai đầu gối, bệnh trĩ, kiết lị, **Hoặc Loạn** (dạng bệnh trong bụng như đau ruột, đau dạ dày...), bàn tay, bàn chân, đau buốt bức rức, cùi hủi, trúng gió, ung nhọt, ghẻ chốc, mụn nhọt mưng mủ, du thũng, đinh thũng, rôm sảy, ung nhọt độc, bệnh vàng da, Đái Môn, mụn đầu đinh, mụn nước, bệnh ngứa, bệnh điên, Yêm Cổ... Hoặc bị Quỷ Thần gây nhiễu loạn, hoặc bị người dân quở trách, chê bai, nhục mạ, mắng chửi... bị roi vọt, ngăn cấm, chịu khác khổ não, gặp việc ác khác, hoặc mộng chẳng lành...

Thế Tôn! Người này do chịu nhận các việc nhẹ hơn đây, sẽ hay trừ được tất cả tội báo ứng nặng nề cực khổ ở Địa Ngục. Huống chi là hữu tình tội nhẹ có niềm tin trong sạch, thọ trì Đà La Ni Chân Ngôn này mà chẳng thành tựu ư!...

Nếu có hữu tình, thân tâm chẳng an, bị mọi loại tai ách đáng sợ, mộng ác chẳng lành thì ngày ngày thanh khiết đọc tụng, thọ trì, đốt hương cúng dường, liền được tiêu diệt.

Thế Tôn! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện như Pháp viết chép, thọ trì, đọc tụng, lắng nghe Pháp này. Vì người như Pháp tuyên nói, khen ngợi, dạy bảo người khác viết chép, thọ trì, đọc tụng, rộng khiến cho tất cả hữu tình **sinh trong bào thai** (thai), **sinh trong trứng** (noãn) **sinh ở nơi âm thấp** (thấp), **sinh theo cách biến hóa** (hóa) được nghe Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia này, đều được giải thoát tất cả tội chướng. Nhóm kẻ trai lành, người nữ thiện đó nên tịnh Tâm ấy, như Lý suy nghĩ. Dùng Trí không có chỗ đặc (vô sở đặc Trí), Trí không có phương xứ (vô phương xứ

Trí), Trí không có ta không có người không có người nhận chịu (vô ngã vô nhân vô thọ giả Trí), Trí không có phân biệt (vô phân biệt Trí), Trí không có đi chậm (vô trì hành Trí), Trí không có tạo tác không có nhiễm (vô tác vô nhiễm Trí), Trí của Tính bình đẳng (bình đẳng tính Trí), Trí lia: năm Uẩn, hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị niếm, cảm xúc, pháp cảnh, không có lấy không có bỏ, tinh tiến (Ly ngũ uẩn sắc thanh hương vị xúc pháp vô thủ vô cả tinh tiến Trí). Dùng mọi loại **Chân Như Xảo Trí** đó chế ngự nơi Tâm mà làm phương tiện, quán niệm chư Phật thường thấy trước mắt, chẳng lâu sẽ được trăm ngàn tất cả chư Phật ở mười phương một thời hiện trước mặt, xoa đỉnh đầu, khen ngợi, vì mình làm chứng minh.

Hoặc lại trong mộng, lúc tỉnh được thấy tướng tốt. Hoặc được chư Phật biến làm Sa Môn vì mình trao cho **Bồ Tát Tăng Thượng Giới Phẩm** khiến diệt tất cả tội nặng trong vô lượng trăm ngàn vi trần số kiếp, cho đến như Pháp viết chép Kinh đó an trí trong nhà, dùng hương hoa tùy theo Tâm cúng dường, tôn trọng, lễ bái thì Công Đức có được cũng lại như vậy.

Thế Tôn! Nay tạm lược nói chút phần như thế. Nếu hữu tình vì Tâm muốn thắng người khác, ganh ghét, lừa dối. Hoặc bị khùng bô, tài lợi, khinh rẻ, đùa cợt y theo Tâm của người khác... thì người đọc tụng, lắng nghe Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia này đều được thắng lợi. Hoặc lại nghe xong, phi báng Kinh này rồi chẳng cung kính cũng được thắng lợi.

Thế Tôn! Nay lợi ích này chỉ có người Đại Trí biết, lại là sức Uy Thần của Thế Tự Tại Vương Như Lai, là sức Đại Từ Bi của Quán Thế Âm Bồ Tát khiến cho các bạn ác, tất cả hữu tình một lần trải qua lỗi tai sẽ gieo trồng được vô lượng căn lành. Tại sao thế?

Thế Tôn! Ví như có người dùng Tâm si ác đi đến rừng Long Não Hương, Bạch Đàn Hương, Trầm Thủy Hương, hoặc các rừng hương... dùng Trí ngu si, mọi loại chửi mắng hương, lại khởi Tâm giận dữ chê bai, nói Hương này thật không có mùi thơm. Lấy hương cắt gọt giã nát làm bột hòa với nước, rồi ăn uống, hoặc xoa bôi trên thân... Hương này không có Tâm, chẳng cùng với hương kia. Do tính của hương đó hay xông ướp tất cả khiến cho vật không có mùi thơm đều được thơm phức.

Thế Tôn! **Bất Không Quyển Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia** này cũng lại như vậy. Nếu có hữu tình nói không có nhân quả, dùng mọi loại phi báng cầu điều ác chẳng có lỗi lầm. Hoặc bị tất cả tai nạn do ganh ghét, lừa dối, tiền tài, thức ăn... mà thọ trì, đọc tụng rồi làm cúng dường. Do Nhân Duyên đó thường được căn **Đại Thiện**, từ thân này về sau, nơi sinh ra thường được: hương Giới, hương Định, hương Tuệ, hương Giải Thoát, hương Giải Thoát Tri Kiến, hương tư lương Phước có uy đức không có sợ hãi, tất cả hương **Phước Tự Uẩn** bền chắc chẳng hoại của Bồ Đề. Hương viên mãn của dòng tộc Quý Tánh... đang tạo làm nhiều ích.

Thế Tôn! Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện thọ trì, đọc tụng Đà La Ni Chân Ngôn này nên thường vào ngày 8, hoặc ngày 14, hoặc ngày 15 của kỳ Bạch Nguyệt (15 ngày đầu của tháng) tắm gội sạch sẽ, dùng hương xoa bôi thân, mặc quần áo sạch, ăn ba loại thức ăn màu trắng. Hoặc lại chẳng ăn, dứt các ngôn luận, ở trước mặt Bất Không Quyển Sách Quán Thế Âm Bồ Tát như Pháp mà ngồi, đốt mọi hương thơm tốt, chiêm ngưỡng mặt của Bồ Tát, tụng 49 biến hoặc 108 biến

Thế Tôn! Nên biết người đó ở trong đời hiện tại liền được 20 loại khen ngợi Công Đức thắng lợi. Thế nào gọi là hai mươi?

1_ Thân không có mọi bệnh. Nếu có nghiệp đời trước sinh ra bệnh thì mau khiến trừ khỏi

2_ Thân có da mềm mại, xinh tươi tuyệt đẹp

- 3_ Luôn được mọi người quán nhìn yêu thích chẳng có chán ghét
- 4_ Sáu Căn thường định, tài bảo tự nhiên
- 5_ Chẳng bị giặc cướp xâm đoạt quần áo, tài bảo
- 6_ Chẳng bị nước cuốn, lửa đốt tất cả tài bảo
- 7_ Chẳng bị xâm lăng, giết hại, cưỡng đoạt cướp lấy tài bảo khiến cho bị đốt khát mà chết
- 8_ Chẳng bị té ngã từ sườn núi xuống mà chết
- 9_ Gia trì vào tro sạch, nước sạch... rưới vảy lên tất cả quả trái, mầm lúa thì gió ác, sương, mưa đá, loài trùng thú đều chẳng thể gây tai nạn, mầm lúa được tươi tốt.
- 10_ Chẳng bị quân trận đấu tranh mà giết hại chết
- 11_ Chẳng bị các Quỷ Thần ác trong Thế Gian ăn hút tinh khí, oán thù hại chết
- 12_ Thường được mọi người xưng tán khen ngợi mến mộ, chẳng bị chết trong giờ ác
- 13_ Nếu thấy tất cả Ngoại Đạo, người ác thì tự nhiên hòa kính
- 14_ Chẳng bị tất cả người ác phi báng mưu hại. Nếu có người khởi lên thì mau tự diệt ngay
- 15_ Luôn không có sợ hãi tất cả hàng Người, Phi Nhân
- 16_ Chẳng bị Yêm Cỗ, Chú Trớ, Quỷ **Trà Chỉ Ni** (Dākinī) trong Thế Gian được dịp thuận tiện hại chết
- 17_ Tất cả các ác, Tùy Miên Phiền Nã tự nhiên tiêu bớt
- 18_ Chẳng bị chết do nước cuốn, lửa đốt, đao, tên, thuốc độc, trùng độc ương hại thân
- 19_ Tất cả chư Thiên thường đang ủng hộ
- 20_ Ngay nơi sinh ra, có đủ **Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả**, bốn Tâm không có ngăn ngại.

Thế Tôn! Lại có tám Pháp. Thế nào gọi là tám?

- 1_ Khi lâm chung thời Quán Thế Âm Bồ Tát tự biến hiện thân làm tướng Sa Môn khéo léo dẫn đường cùng đến cõi Phật
- 2_ Khi lâm chung thời thân thể chẳng đau đớn, đi đứng tự tại như nhập vào Thiên Định
- 3_ Khi lâm chung thời mắt chẳng nhìn ngược hiện tướng ác mà chết
- 4_ Khi lâm chung thời tay chân an ổn, nằm nghiêng theo hông bên phải mà chết
- 5_ Khi lâm chung thời đại tiểu tiện chẳng tuôn ra phân dính máu ác mà chết
- 6_ Khi lâm chung thời chẳng mất Chính Niệm, chẳng nằm sấp mặt, ngồi ngay ngắn mà chết
- 7_ Khi lâm chung thời được mọi loại biện thuyết khéo nói Pháp màu nhiệm sâu xa rồi mới chết
- 8_ Khi lâm chung thời nguyện sinh về cõi Phật, tùy nguyện sinh về cõi nước thanh tịnh của chư Phật, hoa sen hóa sinh, thường thấy tất cả chư Phật, chúng Bồ Tát Ma Ha Tát, luôn chẳng chuyển lười.

Thế Tôn! Nếu có hữu tình ưa thích sâu xa Pháp này, tức liền vì họ nói. Hoặc có phát Tâm, dốc sức cầu Pháp này thọ trì đọc tụng thì cũng chẳng bủn xỉn, y theo Pháp rộng vì họ phân biệt giảng nói. Tại sao thế? Vì **Bồ Tát** đối với các hữu tình thường khởi **Bi Trí**, không có Tâm bủn xỉn tiếc rẻ, ganh ghét... mới được tu trì Pháp vô thượng. Lại nữa, Bồ Tát luôn vì hữu tình siêng tu Pháp Thiện. Thế nên được tên gọi chân thật là Bồ Tát.

Nói **Bồ Đề Tát Đỏa** (Bodhisatva) là nghĩa thế nào? **Bồ Đề** (Bodhi) gọi là **Tri** (Jñāna), **Tát Đỏa** (Satva) gọi là **Bi** (Kāraṇa), bày khắp mọi nghĩa của **phương tiện** (Upāya). Dùng hai Pháp này cứu giúp hữu tình, mới được tên gọi là **Bồ Đề Tát Đỏa**

Nếu Đức Thế Tôn cho phép con thì con sẽ vì lợi ích tất cả nhóm kẻ trai lành, người nữ thiện với hữu tình có **Tà Kiến** (Mithyā-dṛṣṭi), **Đoạn Kiến** (Uccheda-dṛṣṭi), Tuệ ác... ở trước mặt Đức Như Lai, nói **Bất Không Quyến Sách Tâm Vương Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia**. Nguyện xin rừ thương chấp nhận”.

Bây giờ, Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai bảo Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Ông hãy nói đi! Nay chính là lúc! Như Lai tùy vui gia bị cho ông. Nay Ta cũng vì lợi ích cho tất cả hữu tình ít Phước nhiều bụi dơ trong đời ác với vì Bồ Tát mới học trụ Đại Thừa, rộng làm lợi lạc cho làm việc Phật”

Khi ấy, Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát nương theo sự nghe hứa của Đức Phật, liền vui vẻ mỉm cười, chấp tay cung kính, chiêm ngưỡng Đức Như Lai chẳng chớp mắt, rồi bạch rằng: “Nay Đức Thế Tôn Như Lai đã nghe hứa cho con nói **Bất Không Quyến Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia** đây. Pháp này mới là điều mà tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát cùng nhau tu trì cung kính, đỉnh lễ được nơi giải thoát, thương xót Thế Gian, lợi ích an vui cho vô lượng hữu tình.

Nếu người thọ trì, trước tiên nên kính lễ tất cả chư Phật, các Đại Bồ Tát, Độc Giác, Thanh Văn trong ba đời (Namasṭryadhvānugata-pratiṣṭhitebhyaḥ sarvabuddha-bodhisatvebhyaḥ pratyeka-buddha āryaśrāvaka)

Tiếp theo, nên Kính lễ **Chính Chí Chính Hạnh Từ Thị Bồ Tát Ma Ha Tát Chúng** (Namaḥ samyagātānāṃ samyak-apratipannānāṃ āryāmaitreya-pramukhebhyo mahābodhisatva-saṃghebhyaḥ)

Tiếp theo, nên Kính lễ **Kim Sắc Quang Minh Hồng Thanh Tụ Tại Vương Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác** (Suvarṇa varṇa-supratibhāsa-vinartiteśvara-rājāya Tathāgata arhate samyaksambuddhāya)

Kính lễ **Sư Tử Du Hý Vương Như Lai** (Siṃha-vikrīḍita-rājāya Tathāgata)

Kính lễ **Vô Lượng Quang Như Lai** (Amitābhāya-Tathāgata)

(Dựa theo sự xem xét văn của bản Phạn. Nếu tụng trì khác, tức lược Kính lễ Phật Bồ Tát đấng, từ Từ Thị Bồ Tát trở xuống, lược đến Kính lễ Vô Lượng Quang Như Lai, từ Vô Lượng Quang Như Lai lược đến chỗ Kính lễ Phật Pháp Tăng Bảo đấng)

Kính lễ **Thiện Trụ Ma Ni Bảo Tích Vương Như Lai** (Supraṭiṣṭhita-maṇikūṭa-rājāya Tathāgata)

Kính lễ **Phổ Quang Minh Tán Thán Công Đức Tích Vương Như Lai** (Samanta-raśmyudgata-śrikūṭa-rājāya Tathāgata)

Kính lễ **Thắng Quán Như Lai** (Vipaśyine Tathāgata)

Kính lễ **Bảo Kế Như Lai** (Śikhine Tathāgata)

Kính lễ **Thế Gian Tụ Tại Vương Như Lai** (Lokeśvara-rāja Tathāgata)

Kính lễ **Xả Ly Tồn Hoại Uẩn Như Lai** (Krakucchandāya Tathāgata)

Kính lễ **Kim Sắc Thân Tịch Như Lai** (Kānaka-muṇaye Tathāgata)

Kính lễ **Ấm Quang Như Lai** (Kāśyapāya Tathāgata)

Kính lễ **Năng Tịch Như Lai** (Śākyamuṇaye Tathāgata)

Kính lễ **Thiện Danh Xưng Như Lai** (Suprakīrtita-nāmadheyāya Tathāgata)

Kính lễ **Phổ Quang Minh Thắng Oán Địch Đức Như Lai** (Samantāvabhāsa-vijita-saṃgrāma-śrīye-rājāya Tathāgata)

Kính lễ **Đế Tràng Đức Như Lai** (Indra-ketu-dhvaja-śrīye Tathāgata)

Kính lễ **Bảo Quang Minh Tự Tại Vương Như Lai** (Ratna-prabhāśeśvara-rājāya Tathāgata)

Kính lễ **Vô Ngại Dục Vương Như Lai** (Apratihata-bhaiṣajya-rājāya Tathāgata)

Kính lễ **Dũng Mãnh Du Bộ Như Lai** (Vikrānta-gāmine Tathāgata)

Kính lễ **Thiện Trụ Vô Úy Như Lai** (Atītānā-gata-pratyutpanna Tathāgataya)

Kính lễ **Phật Bảo, Pháp Bảo, Bất Sô Tăng Bảo** (Namo buddhāya, namo dharmāya, namo saṃghāya)

Kính lễ **Bậc Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát** (Āryāvalokiteśvarāya bodhi-satvāya mahā-satvāya mahā-kāraṇikāya)

Kính lễ các bậc Thánh như vậy xong, tụng **Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát Bất Không Quyển Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni Mật Ngôn**”

Bảy giờ, nên quán câu chữ của **Mẫu Đà La Ni Chân Ngôn** đều như ánh sáng màu vàng rờng chiếu thấu suốt. Liên nói **Bất Không Quyển Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni Mật Ngôn** là:

“**Na ma tác-trát lệ dã, đặc phộc nộ nga đã (1) bả-la để sắt-sĩ để biều (2) tát phộc bột đà bồ địa tát đặc phế biều (3)**

*)NAMAḤ TRIYA-DHVĀNUGATA PRATIṢṬITEBHYAḤ SARVA BUDDHA BODHI-SATVEBHYAḤ

Na mạc tát phộc bả-la để duệ ca bột đà lý-dã)4) thất-la phộc ca, tăng kỳ biều (5) để đá na nga đã, bả-la hàng bán nê biều (6)

*)NAMAḤ SARVA PRATYEKA-BUDDHĀRYA-ŚRĀVAKA-SAMGHĀYEBHYU ATĪTĀNĀGATA PRATYUTPANNEBHYAḤ

Na mạc tam miểu nga đã nam (7)

*)NAMAḤ SAMYAGGATĀNĀM

Na mạc tam miểu bả-la để bán na nam (8)

*)NAMAḤ SAMYAK-APRATIPANNĀNĀM

Na mạc xá la đặc phộc để, tổ đá dã (9) ma ha ma đái duệ (10)

*)NAMAḤ ŚĀRADVATĪ-PUTRĀYA MAHĀ-DĀNAPATAYE

Na ma y lợi dã, mỗi trát lệ dã, bả-la mẫu khế biều (11) ma ha bộ địa tác-đặc phế biều (12)

*)NAMAḤ ĀRYA-MAITREYA-PRAMUKHEBHYO MAHĀ-BODHI-SATVEBHYO

[*Tam Tạng nói xem xét tìm văn của các bạn Phạm, phần lớn đều truyền lược Quy Mệnh. Từ câu 12 này trở xuống đến văn của câu 18, là từ câu 12 này trở xuống đến văn của câu 65. Điều này chỉ sợ người học chẳng biết, cho nên ở đây ghi chú]*

Ná mạc tổ miệt-la noa, miệt-la noa (13) bả-la bà, nhĩ lệ nễ đê (14) thấp-phộc la, lá nhạ dã (15) đã tha nga đá dã (16)

*)NAMAḤ SUVARṆA-PRABHA VINARDITEŚVARA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA

Ná mạc tăng khả nhĩ cật-lý đê đã lá nhạ dã (17) đã tha nga đá dã (18)

*)NAMAḤ SIMHA-VIKRĪDITA TATHĀGATĀYA

Na mạc y nhĩ đá bà dã (19) đã tha nga đá dã (20) y la khả đê, tam miểu tam bột đà da (21)

*)NAMAḤ AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Na mạc tổ bả-la để sắt sĩ đã (22) ma nê củ tra la nhạ dã (23) đã tha nga đá dã (24)

*)NAMAḤ SUPRATIṢṬHITA-MANĪ-KŪṬA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA

Na mạc sai mạn đả (25) lạt thấp-nhĩ ốt đặc kỳ đả (26) thất-lợi củ tra la nha đả (27) đả tha nga đá đả *28)

*)NAMAḤ SAMANTA-RAŚMYUDGATA-ŚRĪ-KŪṬA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA

Na mô tỳ bát thủy nê (28) đả tha nga đả đả (30)

*)NAMO VIPAŚYINE TATHĀGATĀYA

Na mạc thủy khí nê (31) đả tha nga đá đả (32)

*)NAMAḤ ŚIKHINE TATHĀGATĀYA

Na mô nhĩ thấp-phộc bộ mẽ (33) đả tha nga đá đả (34)

*)NAMO VIŚVABHUVĒ TATHĀGATĀYA

Na mạc ca la truất dị na đả (35) đả tha nga đá đả (36)

*)NAMAḤ KRAKUCCHANDĀYA TATHĀGATĀYA

Na mạc ca na ca mẫu na duệ (37) đả tha nga đá đả (38)

*)NAMAḤ KANAKA-MUNĀYE TATHĀGATĀYA

Na mạc ca thủy-dã bá đả (39) đả tha nga đá đả (40)

*)NAMAḤ KĀŚYAPĀYA TATHĀGATĀYA

Na mạc xá chỉ-dã mẫu na duệ (41) đả tha nga đá đả (42)

*)NAMAḤ ŚĀKYA-MUNĀYE TATHĀGATĀYA

Na mạc tổ bá lý chỉ lạt-để đả (43) na ma để da đả (44) đả tha nga đá đả (45)

*)NAMAḤ SUPRAKĪTITA-NĀMADHEYĀYA TATHĀGATĀYA

Na mạc sai mạn đả (46) phộc bà sai, nhị nhĩ đả (47) tăng nga la ma thất-lợi duệ (48) đả tha nga đá đả (49)

*)NAMAḤ SAMANTĀVABHĀSA-VIJITA-SAMGRĀMA-ŚRĪYE TATHĀGATĀYA

Na mạc ấn nại-la kê đồ (50) đặc phộc nha thất-lợi duệ (51) đả tha nga đá đả (52)

*)NAMAḤ INDRA-KETU-DHVAJA-ŚRĪYE TATHĀGATĀYA

Na mô lạt đất đả (53) bả la bà tê thấp-phộc la (54) la nha đả (55) đả tha nga đá đả (56)

*)NAMO RATNA-PRABHĀSEŚVARA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA

Na mô bả-la để khả đả (57) bột sái nhĩ da la nha đả (58) đả tha nga đá đả (59)

*)NAMO APRATIHATA-BHAIṢAJYA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA

Na mô nhĩ cật-lạn đả già nhĩ nê (60) đả tha nga đá đả (61)

*)NAMO VIKRĀNTA-GĀMINE TATHĀGATĀYA

Na mạc tổ bả-la để sắt sỉ đả (62) đả lý đả nga nhĩ ba-la bột-lý để biểu (63)

*)NAMAḤ SUPRATIṢṬITA-DAIRYA GĀMIN PRĀBHRṬEBHYAḤ

(Bản khác ghi nhận câu này là: *Namaḥ supratīṣṭita-dairyā tathāgatāya*)

Tát phộc đả tha nga để biểu (64) la hiết biểu (65) tam miểu tam bò đề biểu (65)

*)SARVA TATHĀGATEBHYU ARHATEBHYAḤ SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ

Na mô la đất-na đất-la da đả (66)

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

Na mạc y lợi-da (67) phộc lộ chỉ để thấp-phộc la dạ (68) bò địa tát đỏa đả (69) ma ha tát đỏa đả (70) ma ha ca lỗ nê ca đả

*)NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

Ế biểu (71) na ma tắc cật-lý đỏa phộc, ải na ma lý da (72) phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la (73) mục kết đặc kỳ lạt noa (74) ma mộ già bá thiêm (75) na ma, hột-lợi na diêm (76)

*)EBHYO NAMASKṚTVĀ IDAM-ĀRYĀVALOKITEŚVARA
MUKHOṄGĪRṆAM AMOGHA-PĀŚA-RĀJA NĀMA HRDAYAM

Đả tha nga đá (77) tham mục khư bà sử đam (78) ma hiết bát-lợi san mặt địa duệ (79) y khả nhĩ na nễ ma miệt đả dật sử dã nhĩ (80) tất điện đồ mẽ (81) tát phộc ca lý dã nê (82) tát phộc bà duệ số giả mẽ (83) lặc khất xoa bà phộc đồ (84) tát phộc tát đỏa-phộc nan giả (85)

*)TATHĀGATA SAṀMUKHA-BHĀŚITAṀ MAHATĀ PARŚATA
MADHYE AHAMIDĀNIMMĀVARTTAYIŚYE SIDDHYANTU ME SARVA-
KĀRYĀṆĪ SARVA BHAYE ŚUCA ME RAKṢA BHAVATU SARVA-
SATVĀNĀMCA

(Bản khác ghi nhận câu này là: *tathāgata saṁnukha-bhāṣitaṁ mahatā parśata madhye ahamidāniṁmāvarttayiṣye sidhyantu me matra-padā sarva kāryāṇi sarva bhayebhyo mama sarva-sattvānāmca rakṣā bhavatu*)

Đát ninh-dã tha (86) Án (87) chá la chá la (88) chỉ lợi chỉ lợi (89) chủ lỗ chủ lỗ (90)

*)TADYATHĀ: OM _ CARA CARA _ CIRI CIRI _ CURU CURU

Ma ha ca lỗ nê ca da (91) tát la tát la (92) tỉ lợi tỉ lợi (93) chỉ lợi chỉ lợi (94) bỉ lợi bỉ lợi (95) vĩ lợi vĩ lợi (96)

*) MAHĀ-KĀRUṆĪKĀYA: SARA SARA _ SIRI SIRI _ CIRI CIRI _ PIRI
PIRI _ VIRI VIRI

Ma ha bát đầu ma khả tắc đà da (97) ca la ca la (98) chỉ lý chỉ lý (99) cự lỗ cự lỗ (100)

*)MAHĀ-PADMA-HASTĀYA: KALA KALA _ KILI KILI _ KULU KULU

Ma ha thú đà tát đỏa-phộc da (101) ế hê duệ hứ (102) bột đình-dạ, bột đình-dạ (103) đà bà đà bàn (104) bộ đà da, bộ đà da (105) ca noa ca noa (106) chỉ nê chỉ nê (107) cú nõ cú nõ (108)

*)MAHĀ-ŚUDDHA-SATVĀYA_ EHYEHI BUDHYA BUDHYA _
BODHAYA DHAVA DHAVĀN_ BODHAYA BODHAYA _ KAṆA KAṆA _
KIṆI KIṆI _ KUṆU KUṆU

Bá la mãng thú đà tát đỏa-phộc dã (109) ca la ca la (110) chỉ lý chỉ lý (111) củ lỗ củ lỗ (112)

*)PARAMA-ŚUDDHA-SATVĀYA: KARA KARA _ KIRI KIRI _ KURU
KURU

Ma ha tắc tha ma bã-la bã đả da (113) giả la giả la (114) tán giả la tán giả la (115) nhĩ giả la nhĩ giả la (116) bã la giả la bã la giả la (117) ế tra tra, ế tra tra (118) bà la bà la (119) tỉ lợi tỉ lợi (120) bộ lỗ bộ lỗ (121) đả la đả la (122) đế lợi đế lợi (123) đồ lỗ đồ lỗ (124)

*)MAHĀ-STHĀMA-PRĀPTĀYA: CALA CALA _ SAṀCALA SAṀCALA _
VICALA VICALA _ PRACALA PRACALA _ EṬAṬA EṬAṬA _ BHARA
BHARA _ BHIRI BHIRI _ BHURU BHURU _ TARA TARA _ TIRI TIRI _ TURU
TURU

Ế hứ duệ hứ (125) ma ha ca lỗ nê ca (126) ma ha bát du đát để (127) phế sái đà la (128) đà la đà la (129) sa la sa la (130) giả la giả la (131) bá la bá la (132) phộc la phộc la (133) khả la khả la (134) khả khả, hứ hứ, hổ hổ (135)

*)EHYEHI MAHĀ-KĀRUNĪKA: MAHĀ-PAŚUPATIYA-VEŚA-DHARA _
DHARA DHARA _SARA SARA CARA CARA _ PARA PARA _ VARA
VARA _ HARA HARA _ HĀHĀ HĪHĪ HŪHŪ

Án, ca la, một la khả ma phé sái đà la (136) đà la đà la (137) địa lợi địa lợi (138) độ lỗ độ lỗ (149) đã la đã la (140) sai la sai la (141) bá la bá la (142) thủy khởi hồng, thủy khởi hồng (143) phộc la phộc la (144)

*)OM_ KARA BRAHMA VAŚA-DHARA _ DHARA DHARA _ DHIRI
DHIRI _ DHURU DHURU _ TARA TARA _ SARA SARA _ PARA PARA _ ŚIKHI
HŪM ŚIKHI HŪM _ VARA VARA

Lại thấp nhĩ xá đã sa khả tác la (145) bà-la để mạn nê đã xá lợi la (146) nhập phộc la nhập phộc la (147) đá bá đá bá (148) bà sa bà sa (149)

*)RAŚMI-ŚATA-SAHASRA-PRATIMANḌITA-ŚARĪRA: JVALA JVALA _
TAPA TAPA _ BHĀSA BHĀSA

Bạc già bạn (150) tổ ma, ninh đình-dã, dã ma, bà lỗ noa (151) củ phé la, một-la khả mẽ nại-la (152) đà năng na (153) chúc sử nga noa, nê bà, nga noa (154) tề chỉ đã chá la noa (155) tổ lỗ tổ lỗ (156) chủ lỗ chủ lỗ (157) mẫu lỗ mẫu lỗ (158) bỏ lỗ bỏ lỗ (159)

*)BHAGAVAM SOMA ĀDITYA YAMA VARŪṆA KUBERA BRAHMA
INDRA DHANADA RŚI-GAṆA DEVA-GAṆEBHYAḤ ARCITA-CARAṆA,
SURU SURU CURU CURU MURU MURU BHURU BHURU

Sai nại củ ma la (160) một lô nại la, bà sai phộc, vĩ số nỏ, đà na đà, bà đã (161) phộc kì nễ, nỉ bà lý sử, na đã ca (162) bà hổ, vĩ vĩ đà, vĩ chỉ đất la (163) phé sái lỗ bả đà la (164) đà la đà la (165) địa lợi địa lợi (166) độ lỗ độ lỗ (167) tha la tha la (168) già la già la (169) đã la đã la (170) la la la la (171) khả la khả la (172) bá la bá la (173) na la na la (174) phộc la phộc la (175)

*)SANAT-KUMĀRA RUDRA VĀSAVA-VIŚṆU-DHANADA VĀYU
AGNI-DEVA-RŚI NĀYAKA BAHU-VIVIDHA VICITRA VEŚA-RŪPA-DHĀRA,
DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, DHURU DHURU, THARA THARA, GHARA
GHARA, YARA YARA, LARA LARA, HARA HARA, PARA PARA, NARA
NARA, VARA VARA

Phộc la na đã ca (176) sai mạn đa phộc lộ chỉ đã (177) nhĩ lộ chỉ đã, lộ kê thấp-phộc la (178) ma ê thấp-phộc la (179) mô hổ mô hổ (180) mẫu lỗ mẫu lỗ (181) mẫu dã mẫu dã (182) muộn già muộn già (183) lạc khát sái, lạc khát sái hàm (184) tát phộc tát đũa vông thất giả (185)

*)VARADĀYAKA SAMANTĀVALOKITA- VILOKITA LOKEŚVARA
MAHEŚVARA, MUHU MUHU, MURŪ MURŪ, MUYA MUYA, MUMCA
MUMCA, RAKṢA RAKṢA MĀM SARVA-SATVĀNĀMCA

Bà già bạn (186) y lợi da bà lỗ chỉ đế thấp-phộc la dã (187) tát phộc bà duệ (188) tát vũ bát nại-la phé biểu (189) tát vũ bá tát nghệ biểu (190) tát phộc nghiệt la hề biểu (191) thất phộc danh-dạ địa biểu (192) tát phộc nhập-phộc lệ biểu (193) phộc đà, mãn đà na (194) đá noa năng, đất nhạ na (195) la nhạ, chủ la, đất tác ca la (196) y yết nễ, ô đà ca (197) nhĩ sái dã, tác đất-la (198) bá lợi mộ giả ca (199) ca noa ca noa (200) chỉ nê chỉ nê (201) củ nỏ củ nỏ (202) giả la giả la (203) chỉ lý chỉ lý (204) chủ lỗ chủ lỗ (205)

*)BHAGAVAM ĀRYĀVALOKITEŚVARĀYA SARVA-BHAYEBHYAḤ,
SARVOPADRAVEBHYAḤ SARVOPASAGREBHYAḤ, SARVA-
GRAHEBHYAḤ, SARVA-VYĀDHIBHYAḤ, SARVA-JVAREBHYAḤ VADHA
BHANDHANA, TĀḌANA TARJANA RĀJA CORA TASKARA AGNI

UDAKA VIŚĀYA ŚĀSTRA PARIMOCAKA, KAṆA KAṆA, KIṆI KIṆI, KUṆU KUṆU, CARA CARA CIRI CIRI CURU CURU

Ăn ninh lợi dã (206) phộc la bộc trượng nga (207) giả đồ la lý dã (208) tát định-dã tam bả-la ca xả ca (209) đá ma đá ma (210) na ma na ma (211) sai ma sai ma (212) ma sai ma sai (213)

*)INDRĪYA BALA-BODHYAṄGA, CATUR-ĀRYA-SATYA SAMPRAKĀŚAKA, TAMA TAMA, DAMA DAMA, SAMA SAMA, MASA MASA

Ma ha đá muộn đà ca la (214) nhĩ đà ma na (215) sát bá la nhĩ đả (216) bá lợi bỏ la ca (217) nhĩ lí nhĩ lý (218) tra tra tra tra (219) tha sá tha sá (220) trung trung trung trung (221) sĩ sĩ sĩ sĩ (222) trụ trụ trụ trụ (223) lâu lâu lâu lâu (224)

*)MAHĀ-TAMONDHAKĀRA- VIDHAMANA ṢAṬ-PĀRAMITĀ PARIPŪRAṆI, MILI MILI, TAṬA TAṬA, TAṬHA TAṬHA, DĪDI DĪDI, TŪTU TŪTU, TṬIṬI TṬIṬI, DHUDHU DHUDHU

Ế chế dã, chiết ma (225) cật-lý s9a3, bá lý ca la (226) ế hứ duệ hứ (227) ải thấp-phộc la, bộ đả nga noa, bậ nhạ ca (228) ca la ca la (229) chỉ lý chỉ lý (230) củ lỗ củ lỗ (231) bá la bá la (232) chá la chá la (233) sa la sa la (234) ca la ca la (235) ca tra ca tra (236) bát tra bát tra (237) ma tra ma tra (238)

*)ENEYA CARMA-KṚTA- PARIKARA EHYEHI ĪŚVARA MAHĀ-BHŪTA-GAṆA BHAMJALA: KARA KARA, KIRI KIRI, KURU KURU, PARA PARA, CARA CARA, SARA SARA, KARA KARA, KAṬA KAṬA, PAṬA PAṬA, MAṬA MAṬA

Tổ vĩ thú đà, nhĩ sái dã, tử na (239) ma ha ca lỗ nê ca (240) thấp phế đả (241) duệ thận-nhiêu bá nhĩ đả (242) la-đát na, ma củ tra (243) ma la đà la (244) tát phộc thận-nhạ thủy la tử (245) cật lý đả, nhạ tra ma củ tra (246) ma ha đầu bộ đả, ca ma la (247) cật lý-đả, ca la đá la (248) trước đình-dược khả năng, sai ma địa (249) nhĩ mẫu khởi-sái (250) bả-la kiếm tinh-dã (251) bạc hồ tát đỏa (252) tán dát để (253) bát lợi bá giả ca (254) ma ha ca lỗ nê ca (255) tát phộc yết ma phộc la noa (256) nhĩ du đà ca (257) tát phộc danh-dạ , bả-la mộ giả ca (258) tát phộc tát đỏa-phộc xá bá lợi bỏ la ca (259) tát phộc tát đỏa-phộc tam ma, thấp phộc sai, ca la (260) na mô tốt đồ đê, toa phộc ha (261)

*)SU VIŚUDDHA-VIŚĀYA-VĀSINA MAHĀ-KĀRUṆIKA ŚVETA-YAĀJŅOPĀVITA RATNA-MAKUṬA-MĀLĀDHARA, SARVA-JŅA-ŚIRASI KṚTA, JAṬA-MAKUṬA MAHĀDBHUTA KAMALA-KṚTA KARATALA DHYĀNA-SAMĀDHI-VIMOKṢAṆ APRAKAMPYA BAHU-SATVA SANTATI-PARIVĀRAKA MAHĀ-KĀRUṆIKA SARVA-KARMĀVARAṆA VIŚODHAKA, SARVA-VYĀDHI-PARIMOCAKA, SARVA-SATVĀŚĀPARIPŪRAKA SARVA-SATVA-SAMA-ŚVASA KARA, NAMO STUTE SVĀHĀ

Y ca la, mật-lật trụ (262) bả-la xả ma năng dã, toa phộc ha (263)

*)AKĀLA-MṚTYU PRAŚAMAṆĀYA SVĀHĀ

Y mộ giả dã, toa phộc ha (264)

*)AMOGHĀYA SVĀHĀ

Y nhĩ đá dã, toa phộc ha (265)

*)AJITĀYA SVĀHĀ

Y bá-la nhĩ đá, toa phộc ha (266)

*)APARĀJITĀYA SVĀHĀ

Phộc la na dã, toa phộc ha (267)

*)VĪRA-NAYA SVĀHĀ

Phộc la, bả-la na dā, toa phộc ha (268)

*)VARA PRADĀYA SVĀHĀ

Ái đất giả mẽ (269) tát phộc yết ma, củ lỗ, na mô tốt đồ đê, toa phộc ha (270)

*)IDAM SUCAME SARVA-KARMA KURU NAMOSTUTE SVĀHĀ

Án, nhạ dā, hồng, toa phộc ha (271)

*)OM JAYA HŪM SVĀHĀ

Án, hồng, nhược, toa bà ha (272)

*)OM HŪM JA SVĀHĀ

Án, hột-lợi, trất lệ lộ chỉ-da, nhĩ nhạ dā (273) y mộ già bá xa (274) y bả-la đê khả đả (275) hột-lợi, nhật-lợi (276) hác, hứ, hồng, phất (277) toa phộc ha (278)

*)OM HRĪH TRAILOKYA-VIJAYA AMOGHA-PĀSĀYA APRATIHATA HRĪH HRĪM HAḤ HĪ HŪM PHAT SVĀHĀ

Xưa nay người cùng nhau dịch chữ **Toa Phộc Ha** (SVĀHĀ) đều chẳng khảo sát sự trong, đục của âm Phạm, khiến cho văn vẻ khác nhau, đều chẳng đồng. Hoặc nói **Tát Bà Ha**, hoặc nói **Cấp Bà Ha**, hoặc nói **Cấp Bác Ha**, hoặc nói **Sá Bà Ha**, hoặc nói **Sa Bà Ha**, hoặc nói **Tô Bà Ha**, hoặc nói **Sá Ha**, hoặc nói **Sa Ha**, hoặc nói **Toa Ha**... chính xác thì âm Phạm đều không có bản chỉ dẫn. Đây chẳng phải là **Phạm Tăng** truyền âm chẳng đúng. Điều này mới là sự sai lầm của người cầm bút

Xưa nay khắc định: vay mượn dùng chữ **Toa** (S) phiên thiết làm chữ **Toa**. Mượn dùng chữ **Phộc** (VĀ) phiên thiết làm chữ **Phộc**. Mượn dùng chữ **Ha** (HĀ) phiên thiết làm chữ **Ha**. Tức được thông, mô phỏng được đúng ý chỉ của âm **Thánh Giả**. Bởi thế Giáo Điển **Đường Phạm** không có âm nào mà chẳng thể phiên thiết được. Phàm các Đà La Ni sau đều dựa theo đây mà hô gọi.

Bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát nói Đà La Ni này thời, phóng ánh sáng chiếu khắp núi **Bồ Đà Lạc** (Potala), cung điện trong núi ấy chấn động theo sáu cách, ở trong hư không tuôn mưa các hoa của cõi Trời: hoa **Ưu Bát La** (Utpala), hoa **Câu Vật Đầu**, hoa **Ba Đầu Ma** (Padma), hoa **Bôn Noa Lợi** (Punḍarika), hoa **Mạn Đà La** (Māndāra), mọi loại hoa báu, hương báu, mào báu, các quần áo, trân châu, Anh Lạc, vòng xuyên báu của cõi Trời, mây biển vật dụng trang nghiêm báu... cúng dường Đức Như Lai, với lại cúng dường Đại Chúng trong Hội, hoa ngập đến đầu gối, trong hư không ấy vô lượng nhạc Trời chẳng đánh tự tấu vang.

Trong Hội: tất cả hàng Trời, Rồng, Dược Xoa, La Sát, A Tô Lạc, Càn Thát Bà, Nghiệt Lỗ Trà, Khẩn Na La, Mạc Hồ La Già, Người, Phi Nhân một thời vui vẻ, chấp tay chiêm ngưỡng, đồng thanh khen rằng: “Lành thay! Lành thay! Đấng Đại Bi hay khéo nói **Bất Không Quyển Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni Tam Muội Gia Đẳng Ma Ni Bảo** này, như báu Ma Ni hay ban cho hữu tình, tuôn cơn mưa báu lớn, thấm nhuần khắp cả mà được giải thoát”

Khi ấy, Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Mẫu Đà La Ni Chân Ngôn này. Nếu nhóm kẻ trai lành, người nữ thiện một ngày một thời riêng thiêu đốt **Trầm Thủy Hương**, tụng 21 biến thì mau được tiêu diệt các tội: **mười ác, năm nghịch, bốn nặng**

Nếu ở đường đi, nơi cư trú qua đêm. Hoặc ở thành ấp, thôn xóm, núi, đầm, phương xứ đã trụ... người tụng niệm dùng Chân Ngôn gia trì vào hạt cải trắng, hoặc lại gia trì vào nước sạch kèm với tro sạch rưới vẩy kết Giới. Dùng Chân Ngôn gia trì vào cây cọc Kim Cương bằng gỗ **Khư Đà La** (Khadira), dùng Chân Ngôn gia trì vào sợi dây ngũ sắc rồi cột buộc trên cây cọc, đem đóng ở bốn phương tức thành **Kết Giới** thì dừng nghỉ an ổn không có các việc đáng sợ, làm **Đại Hộ Trì. Chân Ngôn Minh Thần**

(Mantra-vidya-devatā) đều vui vẻ. Người trì Chân Ngôn kết sợi dây màu trắng cho người bị tai vạ đeo, tức được trừ khỏi.

Nếu tất cả người dân đeo trên cánh tay, trên cổ tay, trên đỉnh đầu, trên eo... thì người bị bệnh được khỏi bệnh, người sợ hãi được yên ổn.

Gia trì vào Ngưu Tô hoặc dầu mè rồi cho người bị bệnh nóng sốt uống vào khi bụng trống, tức khiến trừ khỏi bệnh.

Nếu Chú Trớ, Yêm Cô khác. Trì Chân Ngôn vào cây đao bằng thép già dựa đề lên chi phần của người bị ám, lại ngâm **miến** nặn hình người ấy, một lần trì Chân Ngôn vào cây đao thì một lần chặt cắt, cho đến 108 đoạn.... cho đến 7 ngày, mỗi ngày như vậy tức liền trừ khỏi.

Nếu bị đau bụng, trì Chân Ngôn vào nước nóng **Hồng Diêm** (một loại muối ăn) rồi cho uống vào, tức liền trừ khỏi

Nếu bị tất cả trùng độc chích đốt. Trì Chân Ngôn vào bùn đất màu vàng rồi xoa bôi lên chỗ bị độc, hoặc gia trì vào sữa bò cho uống khi bụng trống. Hoặc gia trì vào nước cốt đậu đã chung nấu, để cho ấm rồi thấm lên chỗ bị trùng độc cắn, liền được trừ khỏi.

Nếu bị đau mắt, trì Chân Ngôn vào sợi dây trắng rồi đeo cột ở lỗ tai, lại trì Chân Ngôn vào nước của **Trúc Lịch** (nước dịch chảy ra từ cây trúc), Cam Thảo, Bạch Đàn Hương. Mỗi ngày: sáng sớm, giờ ngọ, chiều tối thì rửa con mắt, Hoặc trì Chân Ngôn vào nước **Ba La Xa** (Palāsa: Cây hoa đỏ, cây Thánh của Bà La Môn Giáo), ngày ngày tẩy rửa tức được trừ khỏi

Nếu tai bị bệnh có gió nóng kêu vang, trì Chân Ngôn vào dầu mè sống, hoặc **Đề Hồ** (Maṇḍa, hay Sarpir-maṇḍa) rồi nhỏ vào lỗ tai, chẳng lâu sẽ trừ khỏi bệnh.

Nếu dùng Chân Ngôn gia trì vào sợi dây lụa đào, thắt 21 gút rồi cột trên eo, trên hai cổ tay, liền thành Hộ Thân.

Nếu bị đau răng, Trì Chân Ngôn vào cây **Ca La Nhĩ La** rồi cầm nhấm nhai, xia răng.

Nếu bị bệnh Quý, gia trì vào sợi dây ngũ sắc rồi cho đeo, tức liền trừ khỏi

Nếu bị thuốc độc, dao gậy gây ung nhọt, bệnh yết hầu, bệnh thũng, bệnh đầu đinh, mụn nhọt ác... trì Chân Ngôn vào Tất Bát Mật, sữa bò, Thạch Mật rồi khiến uống, xoa bôi liền được trừ khỏi.

Nếu bị **Khẩu Thiệt** (cãi vãi, đấu khẩu) muốn dấy lên hoặc đã dấy lên. Vào mỗi buổi sáng sớm, hướng về mặt trời trì Chân Ngôn vào nước sạch rồi rửa mặt, súc miệng tức khiến trừ tan.

Nếu đất nước bị hoang loạn, Đại Thần mưu phản, binh nước khác xâm địch, tai địch dấy lên... Trước tiên, tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo sạch mới, ăn ba thức ăn màu trắng, ở 21 ngày nghiêm trì Đạo Trường, ở chính giữa với bốn góc để vật khí bằng sành chứa nước thơm. Ở trong số ngày kỳ hạn ấy, trong ngoài thanh tịnh, như Pháp cúng dường. Ở phía Tây của Đàn và phía Bắc của Đàn đốt hương rải hoa...y theo Pháp ngồi, tụng Đà La Ni Chân Ngôn này, tiếng tiếng chẳng dứt, làm Pháp **Trừ Tai**, đủ 21 ngày tức khiến cho đất nước, tất cả người dân được đại an ổn.

Mỗi ngày gia trì vào vật khí bằng sành chứa nước trong Đàn, rồi vẩy tán trên người lại thành **Ung Hộ** thì tai ách, tội chướng tự nhiên diệt hết.

Nếu bị Quỷ Thần gây tai vạ làm mất âm giọng. Gia trì vào bùn hương Bạch Chiên Đàn, xoa bôi trên trái tim, tức trở lại như cũ.

Nếu người không có tài bảo, thức ăn uống, hương hoa thường cúng dường, mà chỉ thường tụng trì không có gián đoạn bỏ phế thì cũng diệt trừ được tất cả tội chướng.

Nếu khiến cho nhà cửa được **Thiện Thần** hộ trì không có tai vạ, bệnh tật. Mỗi ngày nên lấy 108 cọng hoa sen... xoa bôi bơ, mật đều khắp, rải bột hương Bạch Chiên Đàn, gia trì Hộ Ma. Mỗi ngày ba thời, thời riêng 108 cái. Đủ 7 ngày xong tức thành ủng hộ, trừ các tai ách.

Nếu muốn mọi người vui vẻ. Gia trì vào bơ, mật, Bạch Chiên Đàn Hương... Hộ Ma 108 biến, tức như nguyện đã mong cầu”.

Rồi nói **Tụng** là:

“Thuốc **Mẫu Đà La Ni Già Đà**

Hay trừ mọi loại tai chướng khổ

Đẳng Số (đẳng cấp và số lượng) nên dùng **Nhĩ Nhạ Gia** (Vijaya)

Thuốc **Na Câu Lợi** (Nākūlī), **Chá Lý Ni**

Kiên Đa Na Câu Lợi (Ghanda-nākūlī), **É La**

Y Bà Bá Nê (Abhayapāṇi), **Cung Củ Ma**

Án Nại La Bá (Indriya-pāṇi) **Tất Lý Ca**

Thuốc **Kiên Đà** (Ghanda) **Tất Lợi Dạng Ngu** (Priyaṅgu)

Thuốc **Đa Nga La Chước Ca La** (Tagara-cakrā)

Ma Ha Chước Yết (Mahā-cakrā), **Ô Thí La**

Thuốc **Bật Sắt Nỗ Yết La Đá** (Viṣṇu-krānta)

Tổ Ma La Nhĩ (Somarajī) **Tổ Nan Na** (Sūnandā)

Tinh khiết hòa với nước trời mưa

Làm viên lớn như hạt táo chua

Đầu ngọn **Tiêu Giới** (Ranh giới quy định) mà hộ trì

Đầu ngọn Chân Ngôn gia trì khắp

Một ngàn tám biến (1008) liền phơi khô

Khi đeo thời gia trì bảy biến

Tùy **Thượng Trung Hạ** cho đeo mang

Bậc Thượng thi đội trên đỉnh đầu

Bậc Trung thường đeo trên cánh tay

Bậc Hạ luôn đeo giữ trên cổ

Đều trừ diệt được các tai ách

Tai ách của nước, lửa, thuốc độc

Mọi loại Yểm Cổ, các Chú Trớ

Tất cả đều chẳng thể gây hại

Chẳng bị các Quỷ Thần ác làm hại

Hòa nước nóng thơm tắm, sạch các chướng”

Nếu có gió ác, sấm chớp, sét đánh luôn mãi dấy lên. Gia trì vào hạt cải trắng, nước rồi trông về nơi dấy lên ấy, một lần Chú thì một lần tán rải, 108 lần tức liền trừ diệt. Hoặc gia trì vào cành Thạch Lựu rồi trông về nơi đã dấy lên, một lần trì Chân Ngôn thì một lần nghĩ đến, cũng được trừ tan

Thế Tôn! Pháp tối thượng của Mẫu Đà La Ni Chân Ngôn này, chỉ thường tụng trì, chẳng làm Đàn Ân, y theo Pháp cúng dường cũng được thành tựu.

Nếu người muốn thành tựu **Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia** này. Như Pháp tô vẽ **Bất Không Quyển Sách Quán Thế Âm Bồ Tát** (Amogha-pāśa-avalokiteśvara-bodhisatva) như Đại Tự Tại Thiên, đầu đội mào báu, trong mào có Đức **Hóa A Di Đà Phật**, mặc áo da hươu, quần áo bảy báu, chuỗi ngọc, Anh Lạc, vòng, xuyên, mọi loại trang nghiêm, cầm nắm khí trượng.

Dùng đất màu vàng sạch, cồ ma di (phân bò), bùn thơm như Pháp xoa tô Đàn. Dùng màu vẽ thanh khiết, bên trong để Tượng ấy với phan, hoa trang sức. Bốn góc với trung ương để cái bình nước thơm, ba thức ăn uống màu trắng.... bày các quả trái, thức ăn uống phụng hiến cúng dường. Chỉ trừ tất cả thức ăn dư thừa đã tiếp chạm ô uế, thức ăn uống có trăm mùi vị của nhà có luật nghi ác, **Ngũ Tân** (hành, họ, tỏi, nén, hưng cừ), rượu thịt... đều chẳng cúng dường. Ngoài ra thông hết, Thịnh Triệu cúng dường, đốt Trầm Thủy Hương.

Người tu Chân Ngôn đó, ngày đêm tinh cần như Pháp thừa sự, thường tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo sạch. Mỗi thời hướng mặt về phương Đông đốt hương rải hoa, y theo Pháp ngồi, quán nhìn Bồ Tát, như Pháp tụng trì **thời số** chẳng thiếu

Mỗi ngày 8 của kỳ Bạch Nguyệt, cần phải nhịn ăn, siêng năng khẩn thiết niệm tụng, thời Quán Thế Âm hiện thân trong Đàn. Người tu Chân Ngôn nhìn thấy, chiêm ngưỡng lễ bái, đều được mãn túc nguyện đã mong cầu. Kèm theo dùng **Hùng Hoàng** hoặc **An Thiện Na** để trong Đàn, dùng Chân Ngôn gia trì khiến hiện ba tướng: một là tướng ám áp, hai là tướng khói, ba là tướng ánh sáng. Chấm trên trán, chấm vào con mắt, chấm vào hai lòng bàn tay, hai lòng bàn chân... tức chứng **Y Mổ Già Vương Thần Thông Trí Nghiêm Tam Ma Địa**. Sự nghiệp của **các cõi** (chư hữu) không có gì chẳng hoàn thành được”.

_Bấy giờ, Đức Như Lai khen Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Ông hay ở trong Đại Chúng Trời Người đó, thấp ngọn đuốc Pháp lớn, làm mọi nhóm vật báu, kéo các hữu tình ra khỏi mọi gốc khổ”

_Khi ấy, Tịnh Cư Thiên Vương, Y Thủ La Thiên Vương, Ma Ê Thủ La Thiên Vương, Đại Phạm Thiên Vương, Đế Thích Thiên Vương với các Thiên Vương nghe nói Pháp đó, đều rất vui vẻ, chấp tay cung kính, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, tiến lên phía trước bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Thời **mạt thế** sau này, tùy ở tại cõi nước, tất cả núi, rừng, thành ấp, thôn xóm... nếu có hữu tình như Pháp viết chép, đọc tụng, thọ trì **Bất Không Quyển Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia** này thì Thiên Vương chúng con với các quyền thuộc, ngày đêm tập hội thường ủng hộ”.

Lúc đó, Đức Như Lai bảo các Thiên Vương: “Lành thay! Lành thay! Thiên Vương các ông thấy có kẻ trai lành, người nữ thiện ở phương xứ nào... đọc tụng, thọ trì **Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia** này thì cần nên thủ hộ, đừng có bỏ rơi, liền khiến cho tu học tăng thêm, nuôi lớn tất cả Bồ Đề, Phước Uẩn, căn lành, khiến được A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề (Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác)”

_Bấy giờ, chư Thiên nghe Đức Phật răn bảo khen ngợi đều vui mừng hơn hờ, cung kính đội trên đỉnh đầu

KINH BẤT KHÔNG QUYỂN SÁCH THẦN BIÊN CHÂN NGÔN _QUYỂN THỨ NHẤT (Hết)

Phạn văn: BẤT KHÔNG QUYỂN SÁCH THẦN BIÊN CHÂN NGÔN
Dịch âm: HUYỀN THANH

ॐ नमः श्रियै ध्वानुगता प्रतिष्ठतेभ्यः सर्वा बुद्धा बोधि-सत्वेभ्यः

Namaḥ striya-dhvanugata pratiṣṭatebhyaḥ sarva buddhā bodhi-satvebhyah

ॐ नमः सर्व बुद्धैः सर्व बुद्धैः सर्व बुद्धैः सर्व बुद्धैः

Namaḥ sarva prati-eka buddhāryaśravaka suṃghebhyaḥ atirānagata
 prartyutmanebhyah

ନାମଃ ସମ୍ମୁଖାତୀନାମ

Namaḥ sammyaḡgatanām

ନାମଃ ସମ୍ମୁଖାତୀନାମ

Namaḥ samyaḡ-prati-pannānām

ନାମଃ ସାରାଧ୍ୱାତୀ ସୂତାୟା ମହା-ମାତାୟା

Namaḥ śaradhvati sutaya mahā-mataye

ନାମଃ ଆର୍ୟ-ମୈତ୍ରେୟା ପ୍ରାମୁକ୍ତେଭ୍ୟାଃ ମହା-ବୋଧି-ସତ୍ତ୍ୱେଭ୍ୟାଃ

Namaḥ ārya-maitreya pramukhebhyaḥ mahā-bodhi-satvebhyaḥ

ନାମଃ ସୁବର୍ଣ୍ଣ-ପ୍ରଭା-ମିନାରାତେଶ୍ୱରା-ରାଜ୍ଯାୟା ତଥାଗାତାୟା

Namaḥ suvarṇu-prabha minarateśvara-rajrāya tathāgatāya

ନାମଃ ସିଂହ-ବିକ୍ରିତା-ରାଜ୍ଯାୟା ତଥାଗାତାୟା

Namaḥ siṃha vikrītā-rajrāya tathāgatāya

ନାମଃ ଅମିତାଭୟା ତଥାଗାତାୟା ରହାତେ ସମ୍ମ୍ୟକ-ସମ୍ଭୁଦ୍ଧାୟା

Namaḥ amitābhāya tathāgatāya rhate sammyaksam̃buddhāya

ନାମଃ ସୁପ୍ରା-ତିଷ୍ଠିତା-ମାଣି-କୁଟା-ରାଜ୍ଯାୟା ତଥାଗାତାୟା

Namaḥ supra-tiṣṭita maṇi-kuṭā-rajāya tathāgatāya

ନାମଃ ସାମାନ୍ତ-ରାଜ୍ଯାୟା ତଥାଗାତାୟା

Namaḥ samanta-rasmi-udgata-śrī-kuṭā-rajāya tathāgatāya

ନାମୋ ବିପାସିନେ ତଥାଗାତାୟା

Namo vipasīne tathāgatāya

ନାମଃ ସିକ୍ଷିନେ ତଥାଗାତାୟା

Namaḥ śikhine tathāgatāya

ନାମୋ ବିସ୍ୱା-ଭୂତେ ତଥାଗାତାୟା

Namo viśva-bhūve tathāgatāya

ନାମଃ କାରା-କୁଣ୍ଡାୟା ତଥାଗାତାୟା

Namaḥ kara kusundāya tathāgatāya

ନାମଃ କାନକା-ମୁନାୟା ତଥାଗାତାୟା

Namaḥ kanaka-munaye tathāgatāya

ନାମଃ କାଶ୍ୟାପାୟା ତଥାଗାତାୟା

Namaḥ kaśyapāya tathāgatāya

ନାମଃ ସାକ୍ୟାମୁନାୟା ତଥାଗାତାୟା

Namaḥ śākyamunaye tathāgatāya

ନାମଃ ସୁପାରି-କୃତ୍ତିନାମାଦ୍ଦେହୀୟା ତଥାଗାତାୟା

Namaḥ supari-kṛtitanamaddheyāya tathāgatāya

ନାମଃ ସାମାନ୍ତା-ବାହସା-ବିଜିତା-ସୁଗ୍ରାମ-ଶ୍ରିୟେ ତଥାଗାତାୟା

Namaḥ samanta vabhasa vijita suṃgrama-śrīye tathāgatāya

ନାମଃ ଇନ୍ଦ୍ରା-କେତୁ-ଦ୍ୱାଜା-ଶ୍ରିୟେ ତଥାଗାତାୟା

Namaḥ Indra-ketu-dhvaja-śrīye tathāgatāya

ନାମୋ ରାତ୍ନା-ପ୍ରାଭାଶେଶ୍ୱରା-ରାଜ୍ଯାୟା ତଥାଗାତାୟା

Namo ratna-prabhaseśvarā-rajāya tathāgatāya

ନାମଃ ପ୍ରାତିହତା-ଭାଃଜାୟା ତଥାଗାତାୟା

Namo pratihata bhaiṣajya-rajāya tathāgatāya

ନାମଃ ପ୍ରାତିହତା-ଭାଃଜାୟା ତଥାଗାତାୟା

Namo vikramta-gamine tathāgatāya

ନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

Namaḥ supraṭiṣṭita-dairya tathāgatāya

ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

Namaḥ sarva tathāgatebhyorhatebhyaḥ saṃmyaksambuddhebhyaḥ

ନାମଃ ସର୍ବସମ୍ଭୁତାୟା

Namo ratna-trayāya

ନାମଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

Namo āryāvalokiteśvarāya bodhi-satvāya mahā-satvāya mahā-karuṇikāya

ଓମ୍ ନାମଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

Namaskṛtva inam-aryāvalokiteśvara mukhdi grīṇam-amoghapaśaṃ nama hṛdayaṃ tapāgata saṃmukha bhaṣitaṃ mahā-pṛṣaṃmadhṛe ahami dānima varttaiṣyami siddhyantu me sarva karyāṇi sarva bhaye śuca me rakṣa rakṣa bhavatu sarva satvanamca

ନାମଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

Tadyathā: Om_ cara cara, ciri ciri, curu curu,

ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

Mahā-karuṇikāya: sara sara, siri siri, ciri ciri, piri piri, viri viri

ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

Mahā-padma-hastāya: kala kala, kili kili, kulo kulo

ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

Mahā-śuddha-satvāya ehye ehi buddhya buddhya, dhava dhava, bhūdaya bhūdaya, kaṇa kaṇa, kiṇi kiṇi, kulu kulu

ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

Parama-śuddha-satvāya: kara kara, kiri kiri, kuru kuru

ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

Mahā-sthama-praptāya: cala cala, saṃcala saṃcala, sica lami, cala pracala pracala, eṭaṭa eṭaṭa, bhara bhara, bhiri bhiri, turu bhuru, tara tara, tiri tiri, turu turu

ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

ehye ehi mahā-kāruṇika mahā-paśupati veśa-dhara, dhara dhara, sara sara, cara cara, para para, vara vara, hara hara, ha ha, hi hi, hu hu

ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

Om_ kara brahma veśa-dhara, dhara dhara, dhiri dhiri, dhuru dhuru, tara tara, sara sara, para para

ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

śikhi hūṃ śikhi hūṃ, vara vara

ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା ନାମଃ ସର୍ବନାମଃ ସ୍ୱପ୍ନାତ୍ମନଃ ଶ୍ରେୟଃଶ୍ଚ ନାମଃ ପ୍ରାଣାୟାମାୟା

Raśmi-śata-sahasra prati-manmita-śarira, jvala jvala, tapa tapa, bhasa bhasa

karmmāvaraṇa viśuddhaka, sarva vyadhi pramocaka, sarva satvā śaparipuraka, sarva satva-sama-śvasa kara namo stute svāhā

ॐ ऋ मृत्यु प्रासाम नयस्वहा

Akara-mṛtyu praśama-naya svāhā

ॐ अमघया स्वहा

Amoghaya svāhā

ॐ अजिता स्वहा

ajitaya svāhā

ॐ अप्रजिता स्वहा

aprajitaya svāhā

ॐ विरानया स्वहा

viranaya svāhā

ॐ वरप्रदा स्वहा

vara pradaya svāhā

ॐ इत्तं सुखं कुरु कर्म कुरु नमस्तुते स्वहा

Itaṃ sucame sarva-karma kuru namostute svāhā

ॐ ह्रीं स्वहा

Om_ jaya hum svāhā

ॐ ह्रीं स्वहा

Om_ hum ja svāhā

ॐ ह्रीं त्रिलोक्या विजया अमघापासा अप्रतिहता ह्रीं द्रीं हां हि हुं फां स्वहा

Om_ hrīḥ ttrailokya-vijaya amogha-paśa apratihata hrīḥ drī haḥ hi huṃ phaḥ svāhā